

# PHẠM QUỲNH, MỘT SĨ PHU HÀ NỘI

*Phạm Tôn*

Năm 1908 Phạm Quỳnh đã đỗ thủ khoa năm đầu tiên của trường Trung học Bảo Hộ. Nhân dân thường quen gọi là “Thủ khoa Tây trường Bưởi”.



*Phạm Quỳnh năm 1922 tại Pháp*

Cũng năm 1908 ấy, trường Đông Kinh Nghĩa Thục của cụ Cử Can ở phố Hàng Đào bị Pháp đóng cửa. Chàng học sinh con nhà nghèo đến mấy đời Phạm Quỳnh đã cùng các bạn tham gia đấu tranh phản đối nhà đương cục. Bị Pháp bắt, nhưng rồi được thả vì chưa đến tuổi thành niên.

“Thủ khoa Tây” được tuyển ngay vào làm nhân viên trường Viễn Đông Bác Cổ, một cơ quan nghiên cứu khoa học lớn, đủ mọi mặt toàn xứ Đông Pháp. Năm ấy, “công chức” Phạm Quỳnh mới mười lăm tuổi. Vốn ham hiểu biết, lại được làm việc dưới sự chỉ bảo của các “đại sư” người Pháp uyên thâm nhiều lĩnh vực, và được ở bên, ở ngay trong kho sách lớn có một không hai trong nước ta, Phạm Quỳnh thả sức học tập, đọc miệt mài, hết tra cứu, đến so sánh, lại ghi chép... đến quên cả giờ về nhà. Tại đây Phạm Quỳnh quen biết Nguyễn Văn Tố, sau này cũng là một học giả nổi tiếng, từng tham gia chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa đầu tiên của cụ Hồ.

Những năm làm việc ở Trường Viễn Đông Bác Cổ (1908-1917) cũng chính là những năm học tập miệt mài, khổ công tự học và thành tâm, khiêm tốn học hỏi các bạn đồng nghiệp Pháp Việt đã đưa Phạm Quỳnh từ một thanh niên hiếu học trở thành một nhà nghiên cứu



*Phạm Quỳnh, chủ nhiệm kiêm chủ bút Tạp chí Nam Phong năm 1930 tại Hà Nội*

có kiến, vững chắc, khá toàn diện về nhiều ngành khoa học xã hội và cả khoa học tự nhiên nữa. Đặc biệt, từ một học sinh chỉ viết được có hai chữ nho tên mình, suýt bị trượt kỳ thi tốt nghiệp trường Trung học Bảo hộ vì bài dịch Hán văn ra Pháp văn đáng lẽ bị điểm liệt, may mà được các giám khảo nương tay cho nửa điểm mới đỗ "Thủ khoa Tây", sau chín năm trời đã trở thành một nhà Hán học uyên thâm, có thể đọc, dịch và viết văn bằng chữ Nho thành thạo. Chủ yếu là do công tự học kiên trì và có phương pháp đúng.

Do có vốn liếng vững chắc về khoa học xã hội, năm 1913, Phạm Quỳnh đã trở thành một cây bút quen thuộc, được tin nhiệm trên **Đông Dương tạp chí** của người bạn cùng học trường Thông Ngôn năm nào Nguyễn Văn Vĩnh. Từ đó Phạm Quỳnh nổi tiếng với nhiều bài nghiên cứu sắc sảo, chững chạc, già dặn hơn tuổi đời hai mươi của mình rất nhiều.

Những bài báo đó "lọt mắt xanh" của Louis Marty, giám đốc Vụ Chính trị Phủ Toàn quyền Đông Dương và cả bản thân Toàn quyền Albert Sarraut nữa. Hai con cáo già thực dân này đã quyết định dùng Phạm Quỳnh làm cầu nối giữa Pháp và Việt Nam, giữa lớp trí thức cũ Hán học và lớp trí thức mới Tây học.

Năm 1917 tạp chí **Nam Phong** ra đời với chủ bút phần quốc ngữ là Phạm Quỳnh, mới hai mươi bốn tuổi.

Chẳng bao lâu, tạp chí **Nam Phong** đã trở thành tờ báo có uy tín nhất và lớn nhất thời bấy giờ. Báo quy tụ được cả những nhà cựu học uyên thâm lẫn những người tuổi trẻ tài cao. Phạm Quỳnh dùng **Nam Phong** tạp chí làm cơ quan để "tài bồi" cho văn quốc ngữ trở

thành tiếng nói, chữ viết chuyển tải được những sự phát triển mới trong đời sống xã hội, đủ các ngành khoa học.

Vì ông tin rằng, ***có tiếng mới có nước, tiếng còn thì nước không mất được.***

Năm 1922, với danh nghĩa Tổng thư ký Hội Khai Trí Tiến Đức do ông sáng lập, Phạm Quỳnh sang Pháp dự cuộc đấu xảo thuộc địa ở Marseilles. Ông tranh thủ diễn thuyết ở nhiều nơi để người Pháp hiểu thêm và do đó tôn trọng nước và người Việt Nam mình. Ông còn nhờ các bạn bè người Pháp quen biết từ hồi họ còn ở Việt Nam mà tìm ra đường đến diễn đàn Viện Hàn Lâm Pháp. Bài nói của ông thuyết phục đến nỗi các viện sĩ có mặt nhất loạt đứng dậy vỗ tay tán thưởng, một hiện tượng chưa từng xảy ra ở nơi tụ hội tinh hoa của cả nước Pháp, gây chấn động lớn khắp thủ đô Paris. Ông nói dân tộc Việt Nam không phải là một tờ giấy trắng, ai muốn viết gì lên cũng được. Mà là một quyển sách cổ, đầy những chữ viết bằng một thứ mực không phai. Nếu muốn cũng chỉ có thể đóng quyển sách ấy lại theo lối mới cho hợp thời trang, chứ không thể viết một thứ chữ khác lên những trang đã đầy chữ rồi. Ông kiên quyết bảo vệ bản sắc Việt Nam.

Những ngày ở Paris, ông đã gặp và trao đổi ý kiến với Nguyễn Ái Quốc ít nhất ba lần; một lần còn được Nguyễn Ái Quốc "đích thân tổ chức bữa cơm Bắc thết khách Bắc" tại nhà luật sư Phan Văn Trường.

Ngày 8/9/1924, Phạm Quỳnh là người đầu tiên đứng ra tổ chức kỷ niệm ngày mất thi hào Nguyễn Du. Trước hơn 2000 người tham dự, câu nói bất hủ của ông đã được đồng thanh tán thưởng

***Truyện Kiều còn tiếng ta còn, Tiếng ta còn nước ta còn.***

Năm 1925, Phan Bội Châu bị đưa ra xét xử ở Tòa Đền hình Hà Nội, nơi kết án tàn bạo nhất. Phạm Quỳnh không ngần ngại viết bài trên báo ***Indochine Républicaine (Đông Dương Cộng Hòa)*** lớn tiếng bênh vực nhà chí sĩ "***chỉ có một tội là tội yêu nước***" như tất cả mọi người Pháp yêu nước chống quân ngoại xâm xưa nay. Ông cốt nói rõ với những người Pháp còn có lương tri ở Đông Dương và càng muốn nói thẳng với người Pháp ở ngay chính nước Pháp. Phạm Quỳnh đã góp phần vào cuộc đấu tranh của nhân dân hồi ấy đòi khoan hồng cho Phan Bội Châu. Thế rồi, từ một án tử hình, tám án chung thân, hạ dần xuống mức chỉ còn bị quản chế ở Bến Ngự xứ Huế. Mười lăm năm cuối đời Phan Bội Châu, nhà báo Phạm Quỳnh, rồi Thượng thư Phạm Quỳnh lúc nào cũng bênh vực, tận tụy chăm sóc ông về tinh

thần và cả vật chất nữa. Cho đến năm 1940 Thượng thư Phạm Quỳnh vẫn không ít lần đến tận nhà thăm và giúp đỡ nhà chí sĩ cho đến khi Phan Bội Châu qua đời.

Năm 1926, Thống sứ Bắc Kỳ René Robin có "nhã ý" trợ cấp cho tạp chí **Nam Phong**. Nhân cơ hội này, Phạm Quỳnh xin trợ cấp cả cho Nguyễn Văn Vĩnh mà ông trình bày trong thư gửi Robin là đã và đang làm nhiều việc mà còn gặp nhiều khó khăn hơn ông.

Ngày 4/12/1931, Phạm Quỳnh đã đưa ra trước Hội đồng cấp cao Đông Dương về Kinh tế-Tài chính đòi bãi bỏ chính sách độc quyền sản xuất rượu gạo ở Bắc Kỳ. **Cuộc vận động này đã thành công**, mở ra một thị trường rượu ở Bắc Kỳ, có cạnh tranh ở mức độ nhất định, **khai thông phong trào cải cách ở Đông Dương và những nỗ lực bãi bỏ độc quyền cả ở các mặt kinh tế lẫn chính trị**.

Năm 1932, Phạm Quỳnh vào Huế làm Thượng thư Bộ Quốc Dân Giáo Dục kiêm Tổng lý Đại thần Ngự Tiền Văn Phòng. Thì ngay cuối năm sau, ông viết thư cho Louis Marty đề nghị khoan hồng cho người cộng sản trẻ tuổi Nguyễn Công Nghi bị kết án đày ra Côn Đảo hoặc nước ngoài vì tội "âm mưu cộng sản" ở Kiến An. Có lẽ xưa nay không có ai vừa nhậm chức lại đi làm một việc như thế, không hề nghĩ gì đến "cái ghế mình ngồi còn chưa ấm chỗ".

Năm 1936, khi Nguyễn Văn Vĩnh chết thảm trên đường đi tìm vàng tại Lào thì Phạm Quỳnh đang là Tổng lý Đại Thần Ngự Tiền Văn Phòng và Thượng thư Bộ Quốc Dân Giáo Dục. Vậy mà ông lại làm bài thơ **Khóc Nguyễn Văn Vĩnh**; Trong đó, bốn câu cuối **rất lạ**:

**Sống lại như tôi là sống nhục.**

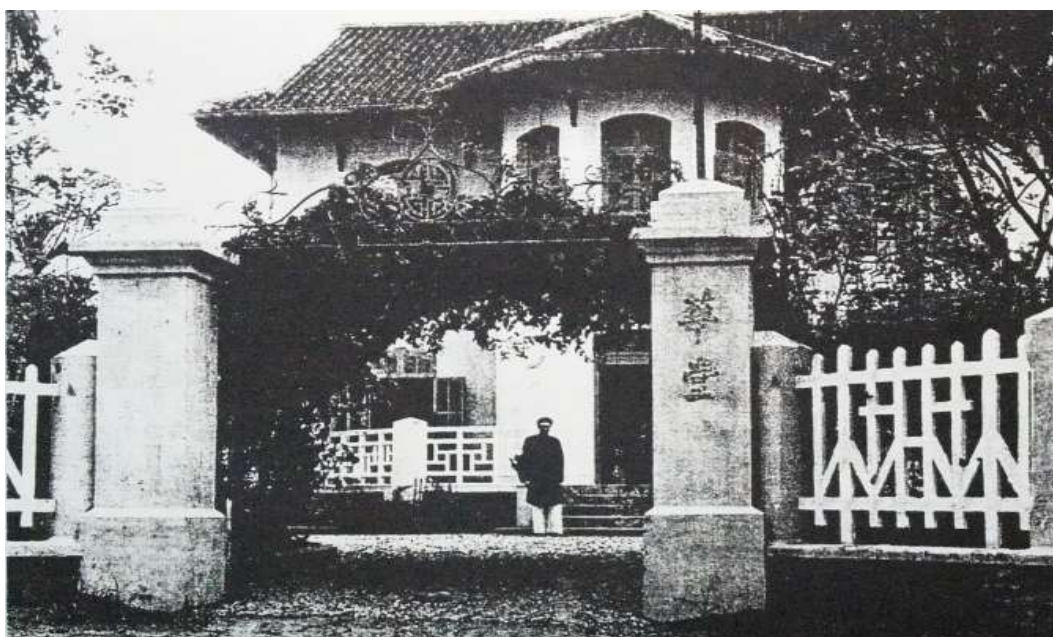
**Chết đi như Bác chết là vinh**

**Suối vàng Bác có dư dòng lệ.**

**Khóc hộ cho tôi nỗi bất bình.**

Tháng 3/1945, Nhật đảo chính Pháp rồi dựng lên chính phủ Trần Trọng Kim. Phạm Quỳnh rút khỏi chính trường, về nhà sống ẩn dật, chuyên tâm trở lại với nghề viết mà ông hằng yêu quý. Trong những ngày biến động này, ông em vợ thấy anh rể cứ bình chân như vại thì sốt ruột quá mới khuyên anh "nên tránh đi, sang Lào chẳng hạn vì xem ra vua Lào quý anh lắm." Thì Phạm Quỳnh thản nhiên trả lời là "**Chính lúc này mới càng cần ở trong nước để đem tài trí ra giúp nước**". Rồi lại cặm cụi đọc sách, viết văn.

Ông tự nhận “Đã lỡ lầm mà ra làm quan” vì tưởng “cái thân nho quèn” của mình có thể làm được những việc có ích cho dân cho nước mà trước đây chỉ thể hiện được trên giấy trắng mực đen. Ông “khởi động” bằng việc dịch thơ Đỗ Phủ, nhà thơ lớn Trung Quốc mà ông phục tài và yêu mến vì có phần cùng cảnh ngộ. Trong những ngày hè xứ Huế năm 1945 nóng như đổ lửa, ông cặm cụi dịch thơ được 51 bài thơ tâm đắc thì ông gửi ngay vào Hà Tiên cho vợ chồng nhà thơ Đông Hồ Lâm Tấn Phác, bạn thân và người cộng tác cũ của **Nam Phong**. Sau đó “có đà rồi” ông bắt đầu đọc thật nhiều, nghĩ càng nhiều hơn để bắt tay vào viết những trang sách cuối đời mình. Bấy giờ, ông chuyên viết tạp văn, kiểu tạp văn của Lỗ Tấn. Thật sâu sắc, độc đáo nhưng lại rất ngắn gọn, súc tích, dễ đọc. Ông đặt tên cho bộ sách mới của mình là **Hoa Đường tùy bút – Kiến văn, Cảm tưởng**. Hoa Đường là tên làng quê ông xưa, những năm cuối này ông thường lấy làm bút danh. Trong bộ sách này, ông muốn dốc hết những gì mình từng thấy, từng nghe trong cuộc đời hơn ba mươi năm chìm nổi và cả những cảm tưởng khi mắt thấy, tai nghe hoặc đọc được, trình bày ra trang giấy để lại cho người đời sau có thêm kinh nghiệm sống. Trên bìa cuốn vở học trò, ông nắn nót ghi tên bộ sách mới, còn cẩn thận ghi thêm chữ số I La Mã; vì đây là cuốn đầu trong bộ sách mới, bộ sách cuối cùng mà ông quyết chặt lọc tinh túy trong cả cuộc đời mình để viết ra, không biết sẽ gồm bao nhiêu cuốn vở như thế này. Phạm Quỳnh còn giống Lỗ Tấn cả ở cách viết. Bản thảo đầu tiên thường cũng là bản thảo cuối cùng, chỉ thêm bớt mấy chữ hoặc chuyển vị trí vài dòng vài chữ mà thôi. Khi đưa đi in mới chép lại cho dễ đọc, khỏi làm khó thợ in. Thế thôi...



Phạm Quỳnh, những ngày cuối sống ở biệt thự Hoa Đường bên sông An Cựu, Huế, mùa hạ năm 1945

Nhưng không ngờ quyển vở bản thảo số I mới viết đến trang số 48 được chừng nửa bài văn tâm huyết nhất đời ông nhan đề **Cô Kiều với tôi** thì đến giờ nghỉ trưa, ông mở trang vở viết dở, đặt ngang cây bút Waterman lên trên như để chiều sẽ viết tiếp, rồi đi ăn cơm và ra ghế xích đu ngồi nghỉ một lát thì có người đến báo: "**Ủy ban khởi nghĩa Thuận Hóa mời ông ra làm việc.**" Bà vợ nhác thấy người đến "mời" đeo băng cờ đỏ sao vàng ở tay thì thét to lên rồi ngất đi. Nhưng ông vẫn thản nhiên mặc áo dài đen, đầu để trần, **tin cậy lên xe hơi đến đón**. Cô con gái cứng xin chờ cho một chút để cô lấy thuốc dạ dày cho ông đem theo thì ông cười và dịu dàng bảo con: "**Không cần đâu, chiều thầy về**".

Và ông lên xe, **đi đến nơi làm việc như được mời**.

Hôm ấy là ngày 23/8/1945.

Tp Hồ Chí Minh, 30/08/2014

**Pham Tôn**

Nguồn: <https://phamquynh.wordpress.com/2019/07/30/pham-quynh-mot-si-phu-ha-noi/>

[www.vietnamvanhien.org](http://www.vietnamvanhien.org)

